

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**

(Ngày 31 tháng 12 năm 2023)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHU ngày, tháng, năm sinh: 22/12/1972

- Nghề nghiệp: Giáo viên

- Nơi làm việc: Trường Mẫu Giáo Hòa Mi

- Nơi thường trú: Số nhà 155, ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 091172002770

ngày cấp: 10/10/2022 Nơi cấp: Cục Trường cục cảnh sát QLHC về TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập:

- Họ và tên: VŨ VĂN CHUYỀN Ngày, tháng, năm sinh: 06/01/1970

- Chức vụ/chức danh công tác: Giáo viên

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Thạnh Đông A1

- Nơi thường trú: Số nhà 155, ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 036070020791.

ngày cấp: 10/10/2022 Nơi cấp: Cục Trường cục cảnh sát QLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ hai:

- Họ và tên: VŨ TÚ NHI

- Ngày, tháng, năm sinh: 03/5/2006

- Nơi thường trú: Số nhà 155, ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân : 091306007736. ngày cấp : 05/06/2021 Nơi cấp : Cục Trường Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 155, ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Diện tích: 200,2 m<sup>2</sup> thổ cư, thời hạn sử dụng: lâu dài
- Giá trị: 700.000.000<sup>d</sup> (Bảy trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Vũ Văn Chuyên, số: AL 856194, do UBND huyện Tân Hiệp cấp, ngày 02/4/2008.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ: 25/70 đường Lương Văn Can, Phường An Bình, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

- Diện tích: 73,8 m<sup>2</sup> đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài

- Giá trị: 500.000.000<sup>d</sup> (Năm trăm triệu đồng)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Nguyễn Thị Nhu, số: BY 645512, do UBND Thành phố Rạch Giá, cấp ngày 02/4/2008.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước.

Địa chỉ: Khu phố Đông An, Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Diện tích: 2462,8m<sup>2</sup>.

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 170.000.000đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Vũ Văn Chuyên, số: CĐ 829473, do Sở Tài nguyên và Môi trường, cấp ngày 31/10/2016

1.2.2. Thửa thứ hai(trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước.

- Địa chỉ: Khu phố Đông An, Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Diện tích: 4925,9m<sup>2</sup>.

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 350.000.000đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Vũ Văn Chuyên, số: CC 049027, do Sở Tài nguyên và Môi trường, cấp ngày 03/8/2016.

1.2.3. Thửa thứ ba: Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước.

- Địa chỉ: Khu phố Đông An, Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Diện tích: 4926,0m<sup>2</sup>.

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 350.000.000đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Vũ Văn Chuyên, số: CE 199466, do Sở Tài nguyên và Môi trường, cấp ngày 15/02/2017

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

## 2.1.1. Nhà thứ nhất.

- Địa chỉ: Số nhà 155, ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup> 70 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 300.000.000đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Vũ Văn Chuyên, số: AL 856194, do UBND huyện Tân Hiệp cấp, ngày 02/4/2008.

## 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

- Địa chỉ: 25/70 đường Lương Văn Can, Phường An Bình, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup> 65 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 180.000.000đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Nguyễn Thị Nhu, số: BY 645512, do UBND Thành phố Rạch Giá, cấp ngày 02/4/2008.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không

## 2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ:.....

Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị <sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

## 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất. Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

## 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>. Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>. Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản: Xe gắn máy LEAD. Số đăng ký: 006066. Giá trị: 30.000.000 đồng

- Tên tài sản: Xe gắn máy Shmode. Số đăng ký: 037870. Giá trị: 60.000.000 đồng.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:.....Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>. Không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không

- Tên chủ tài khoản: .....Số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: Không

- Tổng thu nhập của người kê khai: 144.000.000đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120.000.000đồng.

*Nguyen*

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: 30.000.000 đồng.

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM** <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			

*Nguyen*

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .		294.000.000d	

Tân Hiệp, ngày....tháng....năm 2023  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

Tân Hiệp, ngày 31 tháng 12 năm 2023  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**



